

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CHỦ ĐỀ: PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG
(Thời gian thực hiện 4 tuần từ ngày 16/03 - 10/04/2026)

Độ Tuổi	Số MT	Mục tiêu	Nội dung chung	Nội dung riêng	Hoạt động	Đ/C B S
1. Lĩnh vực phát triển thể chất						
a) Phát triển vận động						
18-24 tháng	1	- Trẻ có thể bắt chước một số động tác theo cô : giơ cao tay – đưa về phía trước - sang ngang	- Hô hấp: Tập hít vào, thở ra - Tay: + Đưa ra sau kết hợp với lắc bàn tay.	- Chân: Ngồi xuống, đứng lên	- Hô hấp: Tập hít vào, thở ra - Tay: + Đưa ra sau kết hợp với lắc bàn tay. - Lưng, bụng, lườn: + Vận người sang 2 bên.	
24-36 tháng	2	Trẻ thực hiện được động tác trong bài thể dục: Hô hấp, tay, lưng/bụng và chân	- Lưng, bụng, lườn: + Vận người sang 2 bên.	- Chân: + Co duỗi từng chân	- Chân: - Chân: Ngồi xuống, đứng lên + Co duỗi từng chân	
18-24 tháng	3	- Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi đi bước qua vật cản		- Đi bước qua vật cản	- Hoạt động chơi - tập có chủ định: - Hoạt động PTVĐ + Đi bước qua vật cản	
24-36 tháng	4	- Trẻ có thể giữ được thăng bằng trong vận động đi bước qua gậy kê cao		- Đi bước qua gậy kê cao	+ Đi bước qua gậy kê cao TC: Con bọ dừa - Chơi tập buổi chiều TCM: Chim và ô tô, một đoàn tàu, máy bay	

18-24 tháng	9	- Trẻ thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động, đứng tung bóng		- Đứng tung bóng - Ném bóng về phía trước	- Hoạt động chơi - tập có chủ định: - Hoạt động PTVĐ - Đứng tung bóng - Ném bóng về phía trước TC: Máy bay	
24-36 tháng	6	- Trẻ biết thực hiện phối hợp vận động tay - mắt: Ném bóng về phía trước				
18-24 tháng	7	- Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong bò, trườn tới đích		- Bò, trườn tới đích (T1)	- Hoạt động chơi - tập có chủ định: - PTVĐ + Bò, trườn tới đích + Nhún bật tại chỗ TC: Ô tô và chim sẻ	
24-36 tháng	10	- Trẻ thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động nhún bật tại chỗ		- Nhún bật tại chỗ	- Chơi tập buổi chiều: TCM: Chuồn chuồn bay	
18-24 tháng	7	- Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong bò chui dưới gậy kê cao		- Bò, chui dưới gậy kê cao	- Hoạt động chơi - tập có chủ định: - PTVĐ + Bò, chui dưới gậy kê cao + Bò, trườn qua vật cản + TC: Một đoàn tàu	
24-36 tháng	8	- Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò, trườn qua vật cản (T2)		- Bò, trườn qua vật cản		
18-24 Tháng	13	- Trẻ biết tháo lắp, lồng được 3 - 4 hộp tròn,		- Tháo lắp, lồng hộp tròn, vuông.	- Hoạt động chơi tập có chủ định:	

					+ HDVĐV: Nặn bánh xe, xếp tàu hỏa, tô màu ô tô
24-36 tháng	14	- Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay-mắt trong các hoạt động: Tô màu ô tô, nặn bánh xe, xếp tàu hỏa		- Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, rót, nhào, khuấy, đảo, vò xé.	- Hoạt động chơi tập ở các khu vực chơi: Cô cho trẻ chơi trò chơi giả bộ như nấu ăn cho em bé (rót, nhào, khuấy, đảo, vò xé)

b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe

18-24 tháng	21	- Trẻ làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (ngồi vào bàn ăn, cầm thìa xúc ăn, cầm cốc uống nước).		- Tập tự xúc ăn bằng thìa, uống nước bằng cốc. - Tập ngồi vào bàn ăn. - Tập thể hiện khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh.	Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh + Cô hướng dẫn trẻ biết một số thao tác rửa tay. + Trẻ tập xúc cơm ăn, cầm cốc uống nước + Cô dạy trẻ khi muốn đi vệ sinh phải gọi cô giáo
24-36 tháng	22	- Trẻ làm được 1 số việc với sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước uống, đi vệ sinh...).		- Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt. - Tập luyện nền nếp thói quen tốt trong ăn uống. - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh	

2. Lĩnh vực phát triển nhận thức

18-24 tháng	28	- Trẻ biết sờ, nắn, nhìn, nghe... để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng		- Nghe âm thanh và tìm nơi phát ra âm thanh của một số phương tiện giao thông quen thuộc.	- Hoạt động chơi - tập có chủ định: + HĐNB: Nhận biết xe đạp, xe máy (TCTV: Xe máy, xe đạp) + HĐNB : Nhận biết thuyền buồm, tàu thủy (TCTV: Thuyền buồm, tàu thủy)
24-36 tháng	29	- Trẻ biết sờ, nắn, nhìn, nghe, để nhận biết đặc điểm nổi bật của một số phương tiện giao thông: Xe đạp, xe máy...		- Nghe và nhận biết âm thanh của một số phương tiện giao thông quen thuộc.	+ HĐNB: Nhận biết máy bay, kính khí cầu (TCTV: Máy bay, kính khí cầu) + HĐNB: Nhận
18-24 tháng	36	- Trẻ biết chỉ / lấy / nói tên đồ dùng, đồ chơi của một số phương tiện giao thông quen thuộc	- Tên của phương tiện giao thông gần gũi	- Tên và một vài đặc điểm nổi bật	biết xe ô tô con, xe tải (TCTV: Xe ô tô con, xe tải)
24-36 tháng	37	- Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của một số phương tiện giao thông.		- Đặc điểm nổi bật và công dụng của phương tiện giao thông gần gũi	

3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ

18-24 tháng	41	- Trẻ thực hiện được các yêu cầu đơn giản : đi đến đây ; đi rửa tay...	- Nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc.	- Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau	- Hoạt động chơi: Giờ đón trả trẻ. + Cho trẻ xem hình ảnh một số phương tiện giao thông: Xe đạp, xe máy... và cho trẻ
-------------	----	--	---	--	--

24-36 tháng	42	Trẻ thực hiện được nhiệm vụ gồm 2-3 hành động;		- Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói.	lên chỉ các phương tiện giao thông khi cô hỏi. + Cô yêu cầu trẻ cất ô tô vào rổ và về chỗ ngồi	
18-24 tháng	43	- Trẻ hiểu được từ "không" : dừng hành động khi nghe "Không được lấy !" ; "Không được sờ !"...		- Nghe và thực hiện một số yêu cầu bằng lời nói	- Hoạt động chơi tập có chủ định + HĐNB: Nhận biết xe đạp, xe máy (TCTV: Xe máy, xe đạp) + HĐNB : Nhận biết thuyền buồm, tàu thủy (TCTV: Thuyền buồm, tàu thủy)	
24-36 tháng	44	Trẻ biết trả lời các câu hỏi : “Ai đây?”, “Cái gì đây?”, “...làm gì?”, “....thế nào ?”		- Nghe các câu hỏi: cái gì? làm gì? để làm gì? ở đâu? như thế nào? - Trả lời và đặt câu hỏi: cái gì?, làm gì?, ở đâu?, thế nào?, để làm gì?, tại sao?...	+ HĐNB: Nhận biết máy bay, khinh khí cầu (TCTV: Máy bay, khinh khí cầu) + HĐNB: Nhận biết xe ô tô con, xe tải (TCTV: Xe ô tô con, xe tải)	
18-24 tháng	45	- Trẻ có thể trả lời được các câu hỏi đơn giản : "Ai đây ?"; "Con gì đây ?" ; "Cái gì đây ?"...		- Nghe các câu hỏi: “ Ở đâu?”; “Con gì?”; “... thế nào?”; “ Cái gì?”; “ Làm gì?”. - Trả lời và đặt câu hỏi: “Con gì?”; “	- Hoạt động chơi - tập có chủ định: + Văn học: Truyện vì sao thỏ cụt đuôi * Hoạt động chơi tập buổi chiều: Cô cho trẻ xem	

				Cái gì?"; “ Làm gì?”.	hình ảnh của các nhân vật trong truyện vì sao thỏ cụt đuôi.	
24-36 tháng	46	Trẻ hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: trả lời được các câu hỏi về tên truyện: Vì sao thỏ cụt đuôi.		- Trả lời câu hỏi: cái gì?, làm gì?, ở đâu?, thế nào?, để làm gì?, tại sao?... - Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần có sự gợi ý		
18-24 tháng	47	- Trẻ nhắc lại được từ ngữ và câu ngắn : Xe đạp, xe máy, ô tô,...		- Gọi tên các đồ vật, phương tiện giao thông	- Hoạt động chơi: Chơi tập buổi chiều: Cô cho trẻ tập đọc thơ: Đèn xanh đèn đỏ, con tàu, đi chơi phố. + Hoạt động chơi: Giờ đón trả trẻ:	
24-36 tháng	48	- Trẻ có thể phát âm rõ tiếng.		- Phát âm các âm khác nhau.	Trò chuyện với trẻ về một số phương tiện giao thông quen thuộc như: Xe đạp, xe máy, tàu thủy, thuyền buồm....	
18-24 tháng	49	- Trẻ đọc tiếp được tiếng cuối của câu thơ khi nghe các bài thơ quen thuộc.		- Đọc theo, đọc tiếp cùng cô tiếng cuối của câu thơ. - Nghe các bài hát, bài thơ, đồng	- Hoạt động chơi - tập có chủ định: + Văn học: Thơ: Đèn xanh đèn đỏ (TCTV: Đèn xanh, đèn đỏ)	

				dao, ca dao, truyện kể đơn giản theo tranh.	+ Văn học: Thơ: Con tàu (TCTV: Xình xịch) + Văn học: Thơ: Đi chơi phố (TCTV: Đèn đỏ)	
24-36 tháng	50	- Trẻ có thể đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo.		- Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3-4 tiếng.	- Hoạt động chơi tập buổi chiều: Cô cho trẻ đọc một số bài thơ: Đèn xanh đèn đỏ, con tàu, đi chơi phố. - Bài hát trong chủ đề - Đọc đồng dao: Dung dăng dung dẻ	
18-24 tháng	51	- Trẻ nói được câu đơn 2 - 3 tiếng: con đi chơi; bóng đá ; mẹ đi làm...		- Phát âm các âm khác nhau	- Hoạt động chơi: Giờ đón trả trẻ: Cô hỏi trẻ về nhu cầu mong muốn của trẻ VD: Con thích ai đưa con đi học? Con không thích ai đưa con đi học?....	
24-36 tháng	52	Trẻ nói được câu đơn, câu có 5 - 7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, đồ vật hoạt động, đặc điểm quen thuộc.		- Thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1-2 câu đơn giản và câu dài.		
18-24 tháng	53	- Trẻ có thể chủ động nói nhu cầu, mong muốn của bản thân (cháu uống nước, cháu muốn...).		- Thể hiện nhu cầu, mong muốn của mình bằng câu đơn giản.	- Hoạt động chơi: Giờ đón trả trẻ: Cô hỏi trẻ về nhu cầu mong muốn của trẻ VD: Con	

					thích ai đưa con đi học? Con không thích ai đưa con đi học?....
24-36 tháng	54	<p>Trẻ có thể sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chào hỏi, trò chuyện. - Bày tỏ nhu cầu của bản thân. - Hỏi về các vấn đề quan tâm như: “Con gì đây?”; “Cái gì đây?”... 		- Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp.	
24-36 tháng	55	- Trẻ có thể nói to, đủ nghe, lễ phép.		- Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn.	- Hoạt động chơi, chơi trong các giờ đón trả trẻ: Trò chuyện với trẻ về cách chào hỏi như trẻ chào cô, chào bố mẹ, nhẹ nhàng đủ nghe và biết lễ phép..
4. Lĩnh vực phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ					
18-24 tháng	60	- Trẻ có thể biểu lộ sự thích giao tiếp bằng cử chỉ, lời nói với những người gần gũi		- Giao tiếp với cô và bạn.	- Hoạt động chơi tập các khu vực chơi: + Chơi thao tác vai: Mẹ con, bác sỹ khám bệnh, bán hàng các PTGT
24-36 tháng	61	- Trẻ có thể biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói.		- Giao tiếp với những người xung quanh.	- Khu vực VĐ: Chơi với các đồ chơi PTGT, đồ chơi vận động - Khu vực NT: Nặn bánh xe,

					- Khu vực HĐVDV: Xâu vòng xếp hình PTGT, chơi đóng cọc bàn gỗ ...	
18-24 tháng	67	- Trẻ biết chào tạm biệt khi được nhắc nhở		- Tập thực hiện một số hành vi giao tiếp, như: chào, tạm biệt, cảm ơn. Nói từ “ạ”, “dạ”.	- Hoạt động giao lưu cảm xúc: + Cô dạy trẻ biết cảm ơn, xin lỗi...chơi với bạn đoàn kết, khi chơi không tranh đồ chơi của bạn	
24-36 tháng	68	Trẻ biết chào, tạm biệt, cảm ơn, ạ, vâng ạ.		- Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “dạ”, “vâng ạ”; chơi cạnh bạn, không câu bạn.		
18-24 tháng	69	- Trẻ biết bắt chước được một vài hành vi xã hội (bế búp bê, cho búp bê ăn, nghe điện thoại...).	- Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi.		- Hoạt động chơi tập các khu vực chơi - Chơi thao tác vai: Nấu ăn, bế em cho em ăn - Khu vực VĐ: Chơi kéo đẩy các PTGT. Chơi với đồ chơi VĐ... Khu vực NT: Tô màu máy bay - Khu vực HĐVDV: Xâu vòng, ghép hình máy bay	
24-36 tháng	70	Trẻ biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...).				

24-36 tháng	73	- Trẻ biết chơi thân thiện cạnh trẻ khác.		- Chơi thân thiện với bạn: chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn.	- Hoạt động chơi tập các khu vực chơi - Chơi thao tác vai: Bán hàng, nấu ăn, cho em ăn - Khu vực VĐ: Chơi ném bóng - Khu vực NT: Vẽ nặn bánh xe, xem sách tranh về chủ đề - Khu vực HĐVĐV: Xếp đường đi, tàu hỏa. (Cô nhắc trẻ chơi đoàn kết không tranh đồ chơi của bạn)
18-24 tháng	74	- Trẻ thích nghe hát và vận động theo nhạc (giậm chân, lắc lư, vỗ tay...).		- Nghe hát, nghe nhạc, nghe âm thanh của các nhạc cụ. - Hát theo và tập vận động đơn giản theo nhạc.	- Hoạt động chơi - tập có chủ định: DH: Lái ô tô TC: Nghe âm thanh đoán tên dụng cụ VĐTN: Em tập lái ô tô NNNH: Đi đường em nhớ
24-36 tháng	75	- Trẻ biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát/bản nhạc quen thuộc.		- Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc - Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau; nghe âm thanh của các nhạc cụ.	DH: Đèn xanh đèn đỏ TC: Hãy lắng nghe NNNH: Đoàn tàu nhỏ xíu TC: Thi ai nhanh

18-24 tháng	76	- Trẻ thích vẽ, xem tranh		- Tập cầm bút vẽ.	- Hoạt động với đồ vật: + HĐVĐV: Tô màu ô tô +HĐVĐV: Nặn bánh xe + HĐVĐV: Xếp tàu hỏa	
24-36 tháng	77	- Trẻ thích tô màu, vẽ, nặn, xếp hình, xem tranh (cầm bút di màu, vẽ nguyệt ch ngoạc)		- Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, xếp hình		

Người lập

Ban giám hiệu ký duyệt

Cà Thị Nghĩa

Trần Thị Làn

